TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **212**/2021/QĐST-HNGĐ	*TP. Tuyên Quang, ngày 12 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 196/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thanh H, sinh năm 1979.
- Bị đơn: Anh Phan Văn C, sinh năm 1977.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 14, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Lê Thanh H** và anh **Phan Văn C.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về con chung:***

+ Cháu Phan Minh Đ, sinh ngày 07/9/1998 hiện nay đã trưởng thành và trên 18 tuổi. Chị Lê Thanh H và anh Phan Văn C không đề nghị Toà án giải quyết khi ly hôn.

+ Giao con chung Phan Hà V, sinh ngày 14/01/2013 cho chị Lê Thanh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Phan Văn C phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Phan Hà V cùng chị Lê Thanh H là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 7 năm 2021 trở đi đến khi cháu Phan Hà V đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Anh Phan Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Khoản tiền cấp dưỡng trên, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thanh H và anh Phan Văn C đều xác định tự thoả thuận, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Lê Thanh H và anh Phan Văn C đều xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thanh H tự nguyện nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: AA/2019/0001116 ngày 29/6/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Lê Thanh H số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Phan Văn C phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang;
- THADS TP Tuyên Quang;
- UBND phường A;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lương Thanh Huyền